

Bản án số: 15/2016/DSST

Ngày: 28/12/2016

V/v: *Tranh chấp HĐ vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông: Trần Tuấn Hương

2/ Ông: Nguyễn Quang Huy

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vương Thị Thanh Lan - Thư ký
Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên
tòa:* không tham gia phiên tòa

Ngày 28/12/2016, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử
sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2016 /TLST- DSST ngày 08 tháng 6
năm 2016 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2016/QĐXX ngày
12/12/2016, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Mạnh T, sinh năm 1986

Trú tại: Làng Đ, xã K, huyện Đ, tỉnh TN (*Có mặt tại phiên tòa*)

Bị đơn: Anh Trương Tuấn A, sinh năm 1986

Trú tại: xóm T, xã C N, thành phố T, tỉnh TN

(*Có mặt tại phiên tòa*)

NHẬN THẤY

**Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là anh
Hoàng Mạnh Tài trình bày:**

Tháng 6 năm 2014 tôi có nhận làm cho anh Trương Tuấn A 1.300m² mái
tôn để anh A làm trang trại nuôi gà. Đầu tháng 7 năm 2014 tôi làm xong công

trình nhưng anh A không thanh toán cho tôi số tiền 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) bao gồm tiền vật tư và tiền công làm mái tôn. Đến ngày 01/01/2015 tôi có yêu cầu anh A viết giấy vay tôi số tiền 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) với lãi suất 0,1%/tháng và hạn đến 30/6/2015 anh sẽ thanh toán đầy đủ cho tôi. Nhưng cho đến nay anh A vẫn chưa thanh toán cho tôi số tiền trên.

Bị đơn - anh A trình bày: Tôi có hợp đồng với anh T làm hợp đồng mái tôn của trang trại gà là 1.400m tôn làm trang trại và có hạn anh đến khi nào gà xuất chuồng được tôi sẽ thanh toán cho anh T số tiền 270.000.000đ tiền làm mái tôn trang trại gà. Nhưng trong quá trình chăn nuôi gà do làm ăn thua lỗ nên tôi chưa có tiền để trả cho anh T. Ngày 19/02/2016 tại gia đình tôi, tôi có hạn với anh T đến tháng 10/2016 sẽ thanh toán dần số tiền trên cho anh T.

Nay anh T yêu cầu tôi trả số nợ 270.000.000đ tôi xin được thanh toán dần số tiền trên thành nhiều đợt vì điều kiện gia đình tôi hiện rất khó khăn do làm ăn thua lỗ.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng các đương sự không thống nhất được, cho nên Toà án phải đưa vụ kiện ra xét xử công khai tại phiên toà ngày hôm nay.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định :

Về tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại điều 471, 474 BLDS và Điều 26 BLTTDS, do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên .

Về nội dung: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

Hội đồng xét xử thấy:

*** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Tháng 6/2014 tôi có nhận làm trang trại nuôi gà cho anh Trương Tuấn A, đến tháng 7/2014 tôi làm xong công trình nhưng anh Trương Tuấn A không thanh toán cho tôi số tiền 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) tiền vật tư và tiền

công. Đến ngày 01/01/2015 tôi yêu cầu anh Trương Tuấn A viết giấy vay tôi số tiền 270.000.000đ với lãi suất 0,1%/tháng và hẹn đến ngày 30/6/2015 anh sẽ thanh toán cho tôi đầy đủ số tiền trên. Nhưng cho đến nay anh vẫn chưa thanh toán cho tôi số tiền nợ trên.

Nay anh yêu cầu anh Trương Tuấn A phải trả số tiền gốc 270.000.000đ và không yêu cầu lãi suất.

Đây là các hợp đồng vay tài sản có thoả thuận về thời hạn thanh toán và được xác định là Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn được quy định tại khoản 2 Điều 478 Bộ luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng vay anh Tuấn A không thực hiện đúng thoả thuận trong hợp đồng, đến hạn thanh toán không trả được tiền gốc cho anh T.

Tại Điều 474 BLDS quy định:

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn..

Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ cho thấy anh A có nợ anh T với tổng số tiền **270.000.000đ** là có thật, có thoả thuận về thời hạn thanh toán. Hiện nay, số tiền này đã quá hạn thanh toán nhưng anh A vẫn chưa trả. Nay anh T yêu cầu anh A phải thanh toán khoản tiền gốc 270.000.000đ là có cơ sở để chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tài buộc anh A phải có trách nhiệm thanh toán cho anh T số tiền gốc là 270.000.000đ

- **Về lãi suất:** anh T không yêu cầu trả lãi suất

Về án phí: Anh A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Án xét xử công khai, các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Bởi lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các khoản 2 Điều 305, Điều 471, 474 BLDS năm 2005; Điều 26, 146 , 147 BLTTDS; Pháp lệnh số 10/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí lệ phí toà án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Mạnh T

- Buộc anh Trương Tuấn A phải có trách nhiệm trả cho anh Hoàng Mạnh T số tiền gốc 270.000.000đ

Về lãi suất: anh T không yêu cầu tính lãi suất

- Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh A không tự nguyện thi hành số tiền trên thì hàng tháng anh A còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi xuất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh A phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 13.500.000 (Mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn) vào ngân sách Nhà nước.

- Hoàn trả anh Hoàng Mạnh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.750.000đ theo biên lai thu số 0004485 ngày 08/6/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- THATPTN;
- VKSTPTN;
- TA tỉnh TN;
- Các đương sự;
- Lưu BPDS, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Hạnh

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hạnh

Nơi nhận:

- THATPTN;
- VKSTPTN;
- TA tỉnh TN;
- Các đương sự;
- Lưu BPDS, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Hạnh

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hạnh

Nơi nhận:

- THATPTN;
- VKSTPTN;
- TA tỉnh TN;
- Các đương sự;
- Lưu BPDS, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Hạnh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSTPTN;
- Lưu: VP, BPDS, hồ sơ vụ án

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái nguyên, ngày 29 tháng 10 năm 2013

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thuý Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Đường và bà Hà Thị Hồng Phúc
Căn cứ vào Điều 210 và Điều 236 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vào hồi 16 giờ 40 phút ngày 29 tháng 10 năm 2013, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành thảo luận đối với vụ án Dân sự giữa:

+ **Đồng nguyên đơn:** Ông Bùi Ngọc Thân, sinh năm 1940.

Bà Bùi Thị Chất, sinh năm 1933.

Đều trú tại: Tổ 2, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên.

3. Ông Bùi Ngọc Việt, sinh năm 1944.

Trú tại: Tổ 1, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên.

4. Ông Bùi Ngọc Cường, sinh năm 1950.

Trú tại: Thôn 8, xã Cẩm Giàng, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

+ **Bị đơn:** Ông Bùi Ngọc Tuấn, sinh năm 1958.

Trú tại: Tổ 1, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên.

+ **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Bà Bùi Thị Liễu, Bà Bùi Thị Đào, Vũ Thị Thu, Ông Bùi Cao Nguyên.

1. Về tư thủ tục tố tụng:

* Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Cao Nguyên vắng mặt tại phiên toà, nhưng ông Nguyễn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn theo Điều 199 BLTTDS.

2. Áp dụng điều luật: Điều 224; khoản 2 Điều 305 BLDS năm 2005BLDS; Điều 25, Điều 33, Điều 130, Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 02/HĐTP/2004 ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao

Căn cứ Pháp lệnh số 10/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí lệ phí toà án; thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; Nghị quyết số 01/2012/HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí toà án; Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định:

a) Chấp nhận yêu cầu chia tài sản của bà Nguyễn Thị Chắt, ông Bùi Ngọc Thân, ông Bùi Ngọc Việt, ông Bùi Văn Cường đối với ông Bùi Ngọc Tuấn. Buộc ông Tuấn phải chia cho ông Bùi Ngọc Cường 210,16m² đất tại thửa 128, tờ bản đồ số 2 bản đồ địa chính phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên. Ông Cường có trách nhiệm làm thủ tục xin cấp lại GCNQSD đất từ tên cụ Nguyễn Thị Hồng sang tên ông tại các cơ quan có thẩm quyền (có sơ đồ kèm theo).

- Giao cho ông Bùi Ngọc Tuấn 269, 8m² đất tại thửa 128, tờ bản đồ số 2 bản đồ địa chính phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên. Ông Tuấn có trách nhiệm làm thủ tục xin cấp lại GCNQSD đất từ tên cụ Nguyễn Thị Hồng sang tên ông tại các cơ quan có thẩm quyền (có sơ đồ kèm theo).

- Buộc ông Bùi Ngọc Tuấn có trách nhiệm trích chia cho ông Bùi Ngọc Thân, ông Bùi Ngọc Việt, bà Bùi Thị Chắt mỗi người một một khoản tiền là 26.320.000đ.

- Buộc ông Bùi Ngọc Cường có trách nhiệm trích chia cho ông Bùi Ngọc Thân một khoản tiền là 57.264.000đ; cho ông Bùi Ngọc Việt 57.264.000đ; cho bà Bùi Thị Chắt 57.264.000đ.

b) Về án phí:

- Theo khoản 7 Điều 27 pháp lệnh về án phí Ông Thân phải nộp 4.793.435đ án phí DSST vào ngân sách nhà nước (được chuyển 50.000đ từ dự phí sang biên lai số 09781 ngày 20/7/2005);

- Ông Việt phải nộp 4.440.000đ án phí DSST vào ngân sách nhà nước (được chuyển 50.000đ từ dự phí sang biên lai số 09781 ngày 20/7/2005);

- Ông Cường phải nộp 4.440.000đ án phí DSST vào ngân sách nhà nước (được chuyển 50.000đ từ dự phí sang biên lai số 09781 ngày 20/7/2005);

- Bà Chắt phải nộp 4.440.000đ án phí DSST vào ngân sách nhà nước (được chuyển 50.000đ từ dự phí sang biên lai số 09781 ngày 20/7/2005).

- Ông Tuấn phải nộp 13.514.051đ án phí DSST vào ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự.

Biên bản làm xong đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Cho nên HĐXX thấy rằng anh Nam cho chị Hồng vay với tổng số tiền **4.272.000.000đ** là có thật, khi vay hai bên có làm hợp đồng, có thoả thuận về thời hạn thanh toán và lãi suất. Hiện nay, số tiền này đã đến hạn thanh toán nhưng chị Hồng không thanh toán trả cho anh Nam. Việc anh Nam yêu cầu chị Hồng phải

thanh toán các khoản tiền đã đến hạn thanh toán là **4.272.000.000đ** là có cơ sở để chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nam, buộc chị Hoàng Thị Bích Hồng phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Trần Ngọc Nam số tiền gốc là **4.272.000.000đ** (Bốn tỷ, hai trăm bảy mươi hai triệu đồng).

- **Về lãi suất:** Anh Nam xác định lãi xuất 10,5% và 6% do các tự bên thoả thuận nhưng đến nay chị Hồng chưa hề trả cho anh một khoản tiền lãi nào đối với cả hai khoản vay trên. Tại phiên toà hôm nay anh Nam chỉ yêu cầu chị Hồng phải thanh toán trả cho anh số tiền nợ gốc, còn lãi anh không yêu cầu chị Hồng phải trả. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

*** Xét về yêu cầu của chị Hoàng Thị Bích Hồng thì thấy:**

Trong các bản tự khai ngày 02/8/2011, ngày 20/12/2012 và biên bản hoà giải ngày 08/01/2013 chị Hồng thừa nhận có vay của anh Nam tổng số tiền 4.272.000.000đ (Bốn tỷ hai trăm bảy mươi hai triệu đồng) và đã nhiều lần thanh toán nợ cho anh Nam. Số tiền thanh toán đó đã được trên sổ sách và đã được chị và anh Nam chốt nợ với nhau, được thể hiện tại giấy chốt công nợ do tự tay anh Nam viết đề ngày 05/12/2010. Hiện nay chị chỉ còn nợ anh Nam số tiền gốc là 600.000.000đ và tiền lãi 708.000.000đ. Chị nhất trí trả anh Nam số tiền này.

Ngoài ra chị Hồng còn yêu cầu anh Nam phải trả cho chị 02 giấy chứng nhận QSDĐ hiện anh Nam đang giữ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bản thân chị Hồng thừa nhận có vay anh Nam tổng số tiền **4.272.000.000đ**. Số tiền này chị Hồng xác định đã trả trả chỉ còn nợ lại 600.000đ được thể hiện bằng giấy chốt công nợ ngày 05/12/2010 đã xuất trình nhưng giấy chốt công nợ này đã có sự viết chèn nên không đủ căn cứ để chấp nhận. Ngoài ra chị Hồng không không xuất trình được chứng cứ nào khác liên quan đến việc thanh toán khoản nợ 4.272.000.000đ. Cho nên, không có căn cứ để xác định chị Hồng đã trả tiền cho anh Nam. Do vậy không chấp nhận yêu cầu của chị Hồng.

Đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐKCTT ngày 17/02/2012 của toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản là thửa đất số 390 tờ bản đồ số 10 diện tích 102m² tại tổ 13 phường Đồng Quang thành phố Thái Nguyên (đất đã được cấp GCNQSD số AD 613887 ngày 06/02/2007 mang tên Hoàng Thị Bích hồng và Phạm Ngọc Hùng), để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của chị Hồng. Nay chị Hồng phải trả cho anh Nam số tiền **4.272.000.000đ**, nên cần giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐKCTT ngày 17/02/2012 của toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên đến khi chị Hồng thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án.

Về án phí: chị Hoàng Thị Bích Hồng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bồi lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 471, 474, khoản 2 Điều 305 BLDS năm 2005; Điều 25, 130, 131 BLTTDS; Pháp lệnh số 10/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí lệ phí tòa án; Nghị quyết số 03/HĐTP ngày 3/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện bà Trần Kim Cung

- Buộc anh Phạm Ngọc Hoàn phải có trách nhiệm trả bà Trần Kim Cung số tiền gốc **100.000.000đ (một trăm triệu đồng)** và không phải trả lãi suất.

Bác yêu cầu của bà Cung khởi kiện Chị Vũ lệ Huyền phải có trách nhiệm cùng anh Hoàn trả số nợ 100.000.000đồng

- Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bà Cung có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Hoàn không tự nguyện thi hành số tiền trên thì hàng tháng anh Hoàn còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi xuất cơ bản do ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Theo khoản 2 điều 27 pháp lệnh về án phí: Anh Phạm Ngọc Hoàn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000đ vào ngân sách Nhà nước.

- Theo khoản 4 Điều 18 pháp lệnh về án phí : Hoàn trả bà Trần Kim Cung số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ theo biên lai thu số 000 ngày tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà Cung, chị Huyền, anh Hoàn. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- VKSTPTN;
- Lưu: VP, BPDS, hồ sơ vụ án

Nguyễn Thị Thuỷ

